

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**SỔ TAY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Thừa Thiên Huế, 2021

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	1
B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT.....	2
C. MỤC TIÊU CỤ THỂ.....	2
D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC.....	3
E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU	6
F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC.....	10
G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
H. MA TRẬN HỌC PHẦN ĐỐI VỚI CHUẨN ĐẦU RA	22
I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN	28



A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công tác xã hội		
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Social work		
3. Trình độ đào tạo:	Đại học		
4. Mã ngành đào tạo:	7760101		
5. Tên ngành đào tạo:	Công tác xã hội		
6. Khoa quản lý chương trình:	Xã hội học và Công tác xã hội		
7. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương		
8. Thời gian đào tạo:	04 năm		
9. Loại hình đào tạo:	Chính quy và Vừa làm vừa học		
10. Số tín chỉ yêu cầu tích lũy:	123 tín chỉ		
11. Thang điểm:	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
	8,5 - 10	A	4
	7,0 - 8,4	B	3
	5,5 - 6,9	C	2
	4,0 - 5,4	D	1
	dưới 4,0	F	0
12. Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ: 123 tín chỉ;- Điểm TBCTL toàn khóa: từ 2,00 trở lên;- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính;- Tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết cho mỗi khối kiến thức;- Có chứng chỉ GDQPAN;- Hoàn thành các học phần GDTC;- Có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản;- Đạt trình độ ngoại ngữ không chuyên bậc 3/6 (B1) hoặc 2/6 (A2) nếu sinh viên là người dân tộc ít người.		
13. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân		
14. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Giảng viên, nghiên cứu viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học		

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên các cơ quan hành chính Nhà nước và Đoàn thể. - Nhân viên xã hội tại các cơ sở xã hội, bệnh viện, trường học. - Điều phối viên, tình nguyện viên, nhân viên tại các tổ chức Phi chính phủ, tổ chức quốc tế
15. Khả năng nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể học lên Cao học và nghiên cứu sinh các ngành Công tác xã hội, Tâm lý học, Xã hội học, Quản lý hành chính công... - Chứng chỉ đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực của Công tác xã hội
16. Chương trình chuẩn tham khảo:	

B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên ngành Công tác xã hội đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, cơ sở xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập quốc tế;

Đào tạo người học có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để có thể làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

C. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có các kiến thức, kỹ năng và thái độ:

1. Kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
(a)	Có năng lực nắm bắt chuyên môn, định hướng hoạt động và hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc liên quan đến chuyên môn phụ trách;
(b)	Am hiểu các kiến thức về hệ thống chính sách, pháp luật về lĩnh vực an sinh xã hội
(c)	Am hiểu các kiến thức về tâm lý, hành vi con người và xã hội
(d)	Am hiểu các kiến thức về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, lối sống của các nhóm dân tộc và các đối tượng khác nhau trong thực tiễn

2. Kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
(a)	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm với các công việc và điều kiện làm việc khác nhau liên quan đến chuyên môn được đào tạo, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm về những việc mình được phân công;
(b)	Có năng lực tổ chức nhóm chuyên môn, đặt ra mục tiêu và điều hành hoạt động nhóm, định hướng công việc, đưa ra nhận xét, kết luận chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ phân công;

(c)	Có năng lực lập kế hoạch, định hướng và phát triển
(d)	Có kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả với các nhóm đối tượng xã hội khác nhau

3. Thái độ

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
(a)	Có thái độ tích cực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
(b)	Có thái độ chia sẻ với khó khăn của thân chủ và cộng đồng, làm việc trên tinh thần vì lợi ích chung
(c)	Có tinh thần làm việc hăng say, trân trọng các giá trị nhân văn
(d)	Có ý thức tôn trọng pháp luật, quy định của Nhà nước và các cơ quan liên quan

D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

1. Chuẩn về kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TDNL
1.1.	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO-1.1.1.	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.	3
PLO-1.1.2.	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).	3
PLO-1.1.3.	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).	3
PLO-1.1.4.	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).	3
PLO-1.1.5.	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).	2
1.2.	Kiến thức chung trong Trường Đại học Khoa học	
PLO-1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.	3
PLO-1.2.2.	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay	3

PLO-1.2.3.	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường	3
1.3.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO-1.3.1.	Hiểu biết về văn hóa, xã hội đại cương và phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội	3
PLO-1.3.2.	Hiểu biết cơ bản về tâm lý, dân tộc và lịch sử thế giới và Việt Nam	3
1.4.	Kiến thức chung theo lĩnh vực	
PLO-1.4.1.	Có kiến thức về khoa học xã hội, sức khỏe, tâm lý và pháp luật cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn đáp ứng yêu cầu thực hành và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ xã hội	3
1.5.	Kiến thức chung của nhóm ngành	
PLO-1.5.1.	Nắm vững kiến thức cơ bản của nhóm ngành về pháp luật, an sinh xã hội, văn hóa, phát triển, các phương pháp nghiên cứu cơ bản... để làm cơ sở và hỗ trợ quá trình lĩnh hội và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội	3
1.6.	Kiến thức của ngành Công tác xã hội	
PLO-1.6.1.	Nắm vững lịch sử và cơ sở hình thành nghề Công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam;	3
PLO-1.6.2.	Nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt các lý thuyết cơ bản trong Công tác xã hội như lý thuyết nhu cầu, nhận thức – hành vi, hệ thống sinh thái...;	4
PLO-1.6.3.	Nắm vững tiến trình thực hành Công tác xã hội cơ bản và với các nhóm đối tượng khác nhau ở các cấp độ khác nhau;	4
PLO-1.6.4.	Nắm vững các phương pháp can thiệp Công tác xã hội và tiến trình thực hành Công tác xã hội cơ bản và với các nhóm đối tượng khác nhau ở các cấp độ khác nhau;	4
PLO-1.6.5.	Nắm vững kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, pháp luật về an sinh xã hội, hành vi con người, môi trường xã hội và linh hoạt vận dụng trong quá trình thực hành nghề nghiệp;	4

2. Chuẩn về kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TDNL
2.1.	Kỹ năng chuyên môn	
PLO-2.1.1.	Có khả năng nhận diện đúng vấn đề và nhu cầu của nhóm đối tượng trong quá trình thực hành nghề nghiệp;	4
PLO-2.1.2.	Biết tổ chức quá trình thực hành nghề nghiệp phù hợp: sàng lọc, phân loại, tiếp nhận đối tượng, thu thập thông tin, đánh giá, lập kế hoạch, thực	4

	hiện, theo dõi và giám sát, lượng giá...;	
PLO-2.1.3.	Có kỹ năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ, tương tác tốt với đối tượng khi thực hành nghề;	4
PLO-2.1.4.	Có kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề và nhu cầu của các nhóm đối tượng khác nhau;	4
PLO-2.1.5.	Có kỹ năng tổ chức thông tin, hệ thống hóa kiến thức và truyền đạt vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp đến người khác;	4
2.2.	Kỹ năng mềm	
PLO-2.2.1.	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, lập và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu; biết đưa ra chiến lược phát triển nhóm và thúc đẩy sự tương tác với các nhóm liên quan;	4
PLO-2.2.2.	Có kỹ năng điều hành, phân công công việc và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm và từng thành viên trong nhóm;	4
PLO-2.2.3.	Có kỹ năng sắp xếp thông tin, sắp xếp ý tưởng, lập luận và giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình với các cá nhân, tổ chức; có khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng đạo đức tốt, có trách nhiệm với bản thân, với xã hội và tuân theo luật pháp;	4

3. Chuẩn về thái độ

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
3.1.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân	
PLO-3.1.1.	Nhân ái, có tinh thần chia sẻ khó khăn với cộng đồng	3
PLO-3.1.2.	Dám đương đầu với khó khăn, rủi ro, thử thách	3
3.2.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp	
PLO-3.2.1.	Có trách nhiệm trong công việc, có tinh thần cầu thị và hợp tác	3
PLO-3.2.2.	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề Công tác xã hội	3
3.3.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội	
PLO-3.3.1.	Có trách nhiệm công dân, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO-3.3.2.	Thân thiện, tôn trọng các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương trong xã hội	3

E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)
2.	Kiến thức												
2.1.	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế												
PLO-2.1.1.	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.												
PLO-2.1.2.	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).												
PLO-2.1.3.	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).												
PLO-2.1.4.	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).												
PLO-2.1.5.	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).												
2.2.	Kiến thức chung trong trường Đại học Khoa học												
PLO-2.2.1.	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.												
PLO-2.2.2.	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật		x										

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)
	và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay												
PLO-2.2.3.	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường				x								
2.3.	Kiến thức giáo dục cơ bản												
PLO-2.3.1.	Hiểu biết về văn hóa, xã hội đại cương và phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội		x		x								
PLO-2.3.2.	Hiểu biết cơ bản về tâm lý, dân tộc và lịch sử thế giới và Việt Nam	x		x									
2.4.	Kiến thức chung theo lĩnh vực												
PLO-2.4.1.	Có kiến thức về khoa học xã hội, sức khỏe, tâm lý và pháp luật cơ bản làm nền tảng lý luận và thực tiễn đáp ứng yêu cầu thực hành và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ xã hội	x											
2.5.	Kiến thức chung của nhóm ngành												
PLO-2.5.1.	Nắm vững kiến thức cơ bản của nhóm ngành về pháp luật, an sinh xã hội, văn hóa, phát triển, các phương pháp nghiên cứu cơ bản... để làm cơ sở và hỗ trợ quá trình lĩnh hội và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội		x										
2.6.	Kiến thức của ngành Công tác xã hội												
PLO-2.6.1.	Nắm vững lịch sử và cơ sở hình thành nghề Công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam;	x	x	x	x								
PLO-2.6.2.	Nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt các lý thuyết cơ bản trong Công tác xã hội như lý thuyết nhu cầu, nhận thức – hành vi, hệ thống sinh thái...;	x	x	x	x								
PLO-2.6.3.	Nắm vững tiến trình thực hành Công tác xã hội cơ bản và với các nhóm đối tượng khác nhau ở các cấp độ khác nhau;	x	x										

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)
PLO-2.6.4.	Nắm vững các phương pháp can thiệp Công tác xã hội và tiến trình thực hành Công tác xã hội cơ bản và với các nhóm đối tượng khác nhau ở các cấp độ khác nhau;	x	x										
PLO-2.6.5.	Nắm vững kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, pháp luật về an sinh xã hội, hành vi con người, môi trường xã hội và linh hoạt vận dụng trong quá trình thực hành nghề nghiệp;	x	x										
3.	Kỹ năng												
3.1.	Kỹ năng chuyên môn												
PLO-3.1.1.	Có khả năng nhận diện đúng vấn đề và nhu cầu của nhóm đối tượng trong quá trình thực hành nghề nghiệp;						x			x			
PLO-3.1.2.	Biết tổ chức quá trình thực hành nghề nghiệp phù hợp: sàng lọc, phân loại, tiếp nhận đối tượng, thu thập thông tin, đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và giám sát, lượng giá...;					x							
PLO-3.1.3.	Có kỹ năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ, tương tác tốt với đối tượng khi thực hành nghề;									x			
PLO-3.1.4.	Có kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề và nhu cầu của các nhóm đối tượng khác nhau;					x							
PLO-3.1.5.	Có kỹ năng tổ chức thông tin, hệ thống hóa kiến thức và truyền đạt vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp đến người khác;						x			x			
3.2.	Kỹ năng mềm												
PLO-3.2.1.	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, lập và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu; biết đưa ra chiến lược phát triển nhóm và thúc đẩy sự tương tác với các nhóm liên quan;					x							
PLO-3.2.2.	Có kỹ năng điều hành, phân công công việc và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm và từng thành viên trong nhóm;					x	x						

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)	(a)	(b)	(c)	(d)
PLO-3.2.3.	Có kỹ năng sắp xếp thông tin, sắp xếp ý tưởng, lập luận và giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình với các cá nhân, tổ chức; có khả năng đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng đạo đức tốt, có trách nhiệm với bản thân, với xã hội và tuân theo luật pháp;							x	x				
4.	Thái độ												
4.1.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân												
PLO-4.1.1.	Nhân ái, có tinh thần chia sẻ khó khăn với cộng đồng										x		
PLO-4.1.2.	Dám đương đầu với khó khăn, rủi ro, thử thách											x	
4.2.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp												
PLO-4.2.1.	Có trách nhiệm trong công việc, có tinh thần cầu thị và hợp tác											x	
PLO-4.2.2.	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề Công tác xã hội												x
4.3.	Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội												
PLO-4.3.1.	Có trách nhiệm công dân, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc												x
PLO-4.3.2.	Thân thiện, tôn trọng các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương trong xã hội										x		

F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

Thang trình độ năng lực	Mô tả thang trình độ năng lực
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua
2	Có thể tham gia và đóng góp
3	Có thể hiểu và giải thích
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo

G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)														
1	LLCTTH3	Triết học Mác-Lênin	x			3	27	10	8						HK2
2	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x			2	18	3	9				LLCTTH3		HK3
3	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			2	22	3	5				LLCTKT2		HK4
4	LLCTLS2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x			2	20	6	4				LLCTXH2		HK5
5	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			2	20	5	5				LLCTTT2		HK6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
6	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	x			2	24	2	4						HK2
7	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	x			2	20	3	7						HK1
8	KNM1013	Kỹ năng mềm	x			3	10	10	10	15					HK3
9	XHH1012	Xã hội học đại cương	x			2	18	4	8				LUA1012 LLCTTH3		HK2
10	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	x			2	22	2	6						HK1
11	XHH1022	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x			2	16	8	6		XHH1012	LLCTTH3			HK3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến	
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
12	CTR1052	Logic học đại cương		x		2										HK4
13	LIS1072	Nhân học đại cương		x		2	22	3	5							HK2
14	LIS1012	Lịch sử văn minh thế giới		x		2	20	4	6							HK2
15	TOA1122	Thống kê xã hội học		x		2										HK4
16	TLH1012	Tâm lý học đại cương		x		2	20	4	6							HK1
17	VAN1012	Mỹ học đại cương		x		2	22	2	6							HK3
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (xx tín chỉ: xx tín chỉ bắt buộc, xx/xx tín chỉ tự chọn)															
A	Kiến thức cơ sở ngành (24 tín chỉ: 18 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)															

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
18	CTX3083	Nhập môn công tác xã hội	x			3	30	5	10						HK1
19	CTX3372	Quy định đạo đức và tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp	x			3	30	5	10			CTX3083			Hk3
20	CTX3173	Hành vi con người và môi trường xã hội	x			3	30	5	10			CTX3083			Hk3
21	CTX3023	Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội	x			3	30	3	3	9		TLH1012	CTX3053		Hk4
22	CTX3033	Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội	x			3	30	3	3	9		CTX3083			HK2
23	CTX5053	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	x			3	30	3	3	9			CTX3083		HK4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
24	CTX3173	Hành vi lệch chuẩn và các vấn đề lứa tuổi		x		3	30	5	6	9			CTX3173		HK3
25	CTX3053	Sức khỏe cộng đồng		x		3	30	3	3	9					HK3
26	XHH3123	Phát triển và phát triển cộng đồng		x		3	27	3	3	12		XHH1012			HK5
27	QLN2013	Quản trị học		x		3									HK4
B	Kiến thức ngành (33 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 9/18 tín chỉ tự chọn)														
28	CTX4023	Công tác xã hội với cá nhân	x			3	21	3	6	15			CTX3083		HK2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
29	CTX4033	Công tác xã hội với nhóm	x			3	21	3	6	15		CTX3083	CTX4023	CTX4053	HK3
30	CTX4043	Công tác xã hội với cộng đồng	x			3	21	3	6	15			CTX3372		HK4
31	CTX4053	Công tác xã hội với gia đình	x			3	21	3	6	15		CTX3083	CTX4023	CTX4033	HK3
32	CTX4093	Quản trị và thực hành chính sách xã hội	x			3	21	3	6	15		CTX3083 CTX3372	CTX5053		HK5
33	CTX4343	Xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội	x			3	21	3	6	15			CTX3033		HK6
34	CTX4103	Tham vấn và trị liệu tâm lý	x			3	25	5	5	10			TLH1012		HK6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
35	CTX3163	Anh văn chuyên ngành	x			3	30	15	0	0		CTX3083	CTX3372		HK5
36	CTX4113	Thiên tai và các nhóm dân tộc thiểu số		x		3	25	4	7	9		CTX3083	CTX5053		HK6
37	CTX4073	Xã hội học lao động và việc làm		x		3	20	10	15	0		XHH1012	XHH1022		HK5
38	CTX4133	Yếu tố văn hóa – xã hội trong thực hành công tác xã hội		x		3	21	3	6	15					HK5
39	CTX4143	Truyền thông và giáo dục cộng đồng		x		3	21	6	9	9			CTX4043C TX3083		HK6
40	CTX4153	Đồng kiến tạo dịch vụ xã hội		x		3	20	5	5	15					HK4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
41	CTX4163	Môi trường và sức khỏe xã hội		x		3	21	3	6	15		CTX3083	CTX3173		HK4
C	Kiến thức chuyên ngành (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)														
C1	Kiến thức chuyên ngành “Trợ giúp xã hội và dịch vụ công tác xã hội” (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)														
42	CTX4024	Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX5053C TX4093	CTX4034	
43	CTX4034	Quản lý trường hợp	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX3033	CTX4044	HK7
44	CTX4044	Dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng và các cơ sở trợ giúp xã hội	x			4	30	6	9	15		CTX3083 CTX3372	CTX3033C TX4093	CTX4024	HK7
45	CTX4054	Trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật và người cao tuổi		x		4	25	10	10	15		CTX3083		CTX4024	HK7
46	CTX4064	Trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		x		4	25	5	15	15		CTX4023 CTX4033	CTX3173	CTX4024	HK7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
c2	Kiến thức chuyên ngành “Hỗ trợ giáo dục và tâm lý – xã hội” (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)														
47	CTX4024	Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX5053C TX4093	CTX4034	HK7
48	CTX4034	Quản lý trường hợp	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX3033	CTX4044	HK7
49	CTX4074	Thiết kế, tổ chức chương trình hỗ trợ giáo dục và kỹ năng xã hội	x			4	25	8	12	15		CTX3033	TLH1012	CTX4024	HK7
50	CTX4084	Các phương pháp hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật		x		4	25	5	15	15			TLH1012 CTX4033	CTX4024	HK7
51	CTX4094	Các phương pháp giao tiếp thay thế và ngôn ngữ ký hiệu		x		4	25	5	15	15			CTX4023 CTX4033	CTX4024	HK7
c3	Kiến thức chuyên ngành “Chăm sóc và hỗ trợ đối tượng xã hội đặc biệt” (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)														
52	CTX4024	Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX5053C TX4093	CTX4034	HK7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
53	CTX4034	Quản lý trường hợp	x			4	30	6	9	15		CTX3083	CTX3033	CTX4044	HK7
54	CTX4104	Phương pháp và kỹ năng chăm sóc đối tượng xã hội đặc biệt	x			4	25	5	5	15			CTX4023 CTX4033	CTX4024	HK7
55	CTX4114	Chăm sóc – hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi		x		4	25	10	10	15			CTX4023 CTX4033	CTX4024	HK7
56	CTX4124	Chăm sóc – hỗ trợ người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích		x		4	25	5	15	15			CTX4023 CTX4033	CTX4024	HK7
D	Kiến thức thực tập, thực tế (11 tín chỉ: 11 tín chỉ bắt buộc)														
57	CTX4062	Thực hành công tác xã hội 1	x			2	15	0	0	15		CTX3083	CTX4023 CTX4033		HK4
58	CTX4072	Thực hành công tác xã hội 2	x			2	15	0	0	15		CTX4062	CTX4023 CTX4033		HK5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần			Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Điều kiện tiên quyết			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn	Thay thế KLTN		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
59	CTX4123	Thực tập chuyên môn	x			3	0	0	0	0	45	CTX3083	CTX4023 CTX4033		HK6
60	CTX4014	Thực tập tốt nghiệp	x			4	0	0	0	0	60		CTX3083 CTX4123		HK8
E	ĐATN, KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (10 tín chỉ: 10 tín chỉ bắt buộc)														
61	CTX4019	Khóa luận tốt nghiệp	x			10					115		CTX3083 CTX4123	CTX4014	HK8
TỔNG CỘNG						123									
III	CÁC CHỨNG CHỈ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP														
1	Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh (<i>thời gian học 4 tuần</i>)														
2	Chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên: Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/... bậc 3/6 (B1), dành cho sinh viên bình thường; Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/... bậc 2/6 (A2), dành cho sinh viên thuộc đối tượng dân tộc ít người.														
3	Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản														
4	Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất														

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Chuẩn về kiến thức													Chuẩn về kỹ năng						Chuẩn về thái độ												
				PLO-1.1.1	PLO-1.1.2	PLO-1.1.3	PLO-1.1.4	PLO-1.1.5	PLO-1.2.1	PLO-1.2.2	PLO-1.2.3	PLO-1.3.1	PLO-1.3.2	PLO-1.4.1	PLO-1.5.1	PLO-1.6.1	PLO-1.6.2	PLO-1.6.3	PLO-1.6.4	PLO-1.6.5	PLO-2.1.1	PLO-2.1.2	PLO-2.1.3	PLO-2.1.4	PLO-2.1.5	PLO-2.2.1	PLO-2.2.2	PLO-2.2.3	PLO-3.1.1	PLO-3.1.2	PLO-3.2.1	PLO-3.2.2	PLO-3.3.1	PLO-3.3.2	
38	CTX4133	Truyền thông và giáo dục cộng đồng	3																	4	4		4		4			4	4	4	4	4	4	4	
39	CTX4143	Đồng kiến tạo dịch vụ xã hội	3												3		3		4				4		4			4	4	4	4	4	4	4	
40	CTX4153	Môi trường và sức khỏe xã hội	3												3			3					3		3			4	4	4	4	4	4	4	
C	Kiến thức chuyên ngành (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)																																		
C1	Kiến thức chuyên ngành “Trợ giúp xã hội và dịch vụ công tác xã hội” (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)																																		
42	CTX4024	Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam	4												3				3	3				3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
41	CTX4034	Quản lý trường hợp	4												3	3	3			4	4	4	4		4		4	4	4	4	4	4	4	4	
43	CTX4044	Mô hình trợ giúp xã hội và dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng và các cơ sở trợ giúp	4												3				3	3			3		3	3	4	4	4	4	4	4	4	4	
44	CTX4054	Trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật và người cao tuổi	4															3	3	3	4		4		4		4	4	4	4	4	4	4	4	
45	CTX4064	Trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	4														3	3	3	4		4		4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	
C2	Kiến thức chuyên ngành “Hỗ trợ giáo dục và tâm lý – xã hội” (16 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 4/8 tín chỉ tự chọn)																																		
	CTX4024	Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và	4												3				3	3				3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	

I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN

1. LIS1022 Văn hóa Việt Nam đại cương

Nội dung học phần trang bị kiến thức về văn hoá; làm rõ những khái niệm, thuật ngữ văn hoá, văn minh; những đặc trưng, chức năng của văn hoá, các loại hình văn hoá, cấu trúc của hệ thống văn hoá, mối quan hệ giữa văn hoá và văn minh, văn hoá với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội... Từ đó đi sâu giới thiệu về điều kiện hình thành văn hoá Việt Nam, về diễn trình phát triển văn hoá trong tiến trình lịch sử, về các vùng văn hoá và những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam.

2. LLCTTH3 Triết học Mác – Lênin

Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: chương 1 trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. MTR1022 Giáo dục môi trường đại cương

Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến các vấn đề cơ bản của môi trường (khái niệm, chức năng, thành phần môi trường); chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường; tài nguyên thiên nhiên; các hoạt động của con người (du lịch, giao thông, nông nghiệp, công nghiệp) gây ra các tác động có hại đến môi trường; dân số và môi trường; các vấn đề về chất thải rắn liên quan đến môi trường; và biến đổi khí hậu.

4. XHH1012 Xã hội học đại cương

Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về xã hội học: Đối tượng, chức năng, cơ cấu tri thức của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học xã hội nhân văn khác. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của xã hội học với tư cách là một khoa học độc lập, liên ngành và thực nghiệm. Trang bị các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học: Con người và xã hội, Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội và các khái niệm liên quan; Quyền lực, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; Lệch lạc và kiểm soát xã hội; Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội. Giới thiệu khái quát các phương pháp và kỹ thuật cơ bản của một cuộc nghiên cứu thực nghiệm xã hội học. Sau khi học xong, sinh viên hiểu được vị trí, vị thế và vai trò của mình trong hệ thống các quan hệ với cá nhân, nhóm xã hội, tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong xã hội tổng thể. Từ đó, giáo dục cho sinh viên các kỹ năng, thái độ học tập, nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp để có trách nhiệm với phát triển bản thân, cộng đồng và xã hội.

5. LLCTKT2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể: Chương

2. Hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

6. LUA1012 Pháp luật Việt Nam đại cương

Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế..

7. LIS1012 Lịch sử văn minh thế giới

Học phần cung cấp một số khái niệm có liên quan đến môn học như văn hóa, văn minh; thành tựu của các nền văn minh; ý nghĩa của những thành tựu đó và tác động của nó đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người; mối liên hệ giữa thành tựu văn minh và mặt trái của các nền văn minh; nguyên nhân sụp đổ của một số nền văn minh; luận giải về tác động hai mặt của nền văn minh hiện đại đối với xã hội loài người... Từ đó đưa ra những đánh giá mới về phương pháp nhận thức, cách tiếp cận để hiểu rõ hơn về vai trò đặc biệt của một số nền văn minh đối với tiến trình phát triển của nhân loại.

8. LIS1072 Nhân học đại cương

Nhân học là một ngành khoa học nghiên cứu về con người, bao gồm năm lĩnh vực cơ bản: Nhân học hình thể, Khảo cổ học, Nhân học ngôn ngữ, Nhân học xã hội - theo truyền thống Nhân học Anh, hoặc Nhân học văn hóa - theo truyền thống Nhân học Mỹ, hoặc được kết hợp thành Nhân học văn hóa - xã hội, Nhân học ứng dụng. Học phần Nhân học đại cương giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các vấn đề liên quan đến Nhân học, sinh viên sẽ được khám phá lịch sử hình thành và phát triển của ngành Nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu, các lý thuyết và tranh luận chính trong Nhân học. Với số lượng 2 đơn vị tín chỉ của môn học này, các bài giảng của môn học bao quát các chủ đề quan trọng của ngành học, bao gồm: tổng quan về ngành Nhân học, nguồn gốc loài người và chủng tộc, ngôn ngữ, tộc người, văn hóa, tôn giáo, thân tộc - hôn nhân - gia đình, Nhân học ứng dụng.

9. TLH1012 Tâm lý học đại cương

Học phần "Tâm lý học đại cương" trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người: những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm

lý; khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí thông minh, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Đồng thời giúp cho người học hình thành những phẩm chất nhân cách là cơ sở để họ có thể giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

10. VAN1012 Mỹ học đại cương

Trên cơ sở xác định bản chất, đối tượng, đặc điểm của bộ môn, học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản như khái niệm, các phạm trù mỹ học, khách thể và chủ thể thẩm mỹ, đặc trưng các loại hình nghệ thuật, các qui luật của đời sống thẩm mỹ.

11. KNM1013 Kỹ năng mềm

Học phần Kỹ năng mềm tập trung rèn luyện và phát triển ba kỹ năng cơ bản cho người học: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng thuyết trình và Kỹ năng làm việc nhóm. Các nội dung có tính chất thực hành chiếm thời lượng chủ yếu so với các nội dung có tính chất lý thuyết.

- Kỹ năng giao tiếp trình bày các khái niệm về giao tiếp, chức năng và các loại hình giao tiếp, nguyên tắc và chuẩn mực, các nghi thức trong giao tiếp; phân tích, thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng giao tiếp trong trường học, nơi làm việc, gia đình, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu và mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng nói và lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi và phản hồi, kỹ năng duy trì và kết thúc quá trình giao tiếp; rèn luyện, thực hành các kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trong những tình huống cụ thể.

- Kỹ năng thuyết trình trình bày các khái niệm, tầm quan trọng và các dạng thức của thuyết trình, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thuyết trình; phân tích, thực hành các bước chuẩn bị thuyết trình; rèn luyện, thực hành kỹ năng tiến hành một bài thuyết trình dựa trên hệ thống các chủ đề và các tình huống có thể xảy ra trong quá trình thuyết trình.

- Kỹ năng làm việc nhóm trình bày khái niệm, ý nghĩa của làm việc nhóm, các hình thức nhóm, tiêu chí đánh giá nhóm làm việc hiệu quả; phân tích, thực hành các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc hiệu quả; rèn luyện, thực hành thông qua hệ thống các bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng cần thiết với cá nhân và tổ chức nhóm để giúp nhóm làm việc hiệu quả.

12. LLCTXH2 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội

chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

13. LLCTLS2 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung cơ bản của học phần gồm: Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

14. XHH1022 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Cung cấp hệ thống lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Mối quan hệ giữa nhận thức lý thuyết và thực nghiệm; các khái niệm cơ bản, phân loại, vai trò của khoa học và nghiên cứu khoa học; Cách phát hiện và lựa chọn một sự kiện khoa học, vấn đề nghiên cứu; Quy trình, các bước tiến hành, thiết kế đề cương và tổ chức một cuộc nghiên cứu; Xây dựng khung lý thuyết và thao tác hoá khái niệm đề tài; xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin định lượng, định tính, tham gia; Chọn mẫu nghiên cứu; mô tả và xử lý thông tin, phân tích các dữ liệu lý thuyết và thực nghiệm cho một đề tài và kỹ năng viết và trình bày báo cáo, sản phẩm khoa học. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành, lựa chọn và sử dụng các phương pháp, kỹ thuật, công cụ phù hợp với mỗi nghiên cứu cụ thể.

15. LLCTTT2 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần gồm 6 chương: chương 1, trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 3 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chương 4 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; chương 5 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; chương 6 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

16. CTR1052 Logic học

Những vấn đề cơ bản của logic học; nguồn gốc, đặc điểm, chức năng, kết cấu logic hình thức và phân loại các hình thức tư duy, quan hệ logic hình thức giữa các hình thức tư duy; nội dung, công thức, các yêu cầu và phạm vi của những quy luật logic hình thức cơ bản; đặc điểm, cấu trúc và phân loại các phép suy luận; đặc điểm, kết cấu, qui tắc, vai trò của luận chứng và giả thuyết.

17. TOA1122 Thống kê xã hội học

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên khối ngành xã hội những kiến thức cơ bản nhất về khoa học thống kê và những kỹ năng sử dụng phần mềm Excel hoặc SPSS để có thể áp dụng vào một số bài toán trong thực tế cuộc sống. Sinh viên sẽ được học những khái niệm cơ bản về chọn mẫu và số liệu thống kê, biểu đồ, các khái niệm cơ bản về các đặc trưng mẫu thực nghiệm, các bài toán thống kê như ước lượng, kiểm định, tương quan, hồi quy và cách sử dụng phần mềm để xử lý những bài toán đó.

18. CTX3083 Nhập môn công tác xã hội

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên Thế giới và Việt Nam. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của CTXH cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng học phần mà những nội dung kiến thức mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.

19. CTX5053 An sinh xã hội và những vấn đề xã hội

Nội dung của học phần gồm 2 phần:

Phần 1: An sinh xã hội. Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống an sinh xã hội, tính chất của bộ máy an sinh xã hội quốc gia, sự cần thiết của hệ thống an sinh xã hội trong một quốc gia nhằm không chỉ giải quyết mà còn phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của các vấn đề xã hội đối với các cá nhân, nhóm xã hội yếu thế. Đồng thời, nắm bắt được hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam và một số chính sách an sinh xã hội dành cho các nhóm đối tượng xã hội.

Phần 2: Một số vấn đề xã hội. Phần này cung cấp những cơ sở lý luận về vấn đề xã hội, những kiến thức liên quan đến các vấn đề xã hội đang nổi bật. Nội dung trong phần này mang tính chất mở để người dạy và người học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để hoàn thiện hơn về nhận thức các vấn đề xã hội.

20. CTX3033 Phương pháp và kỹ năng công tác xã hội

Học phần giới thiệu những kiến thức tổng quan về Công tác xã hội tại Việt Nam và trên thế giới, tầm quan trọng và xu hướng phát triển của nghề Công tác xã hội hiện nay, vai trò của nhân viên Công tác xã hội. Nội dung chính của học phần tập trung vào kiến thức về phương pháp và kỹ năng trong Công tác xã hội nhằm trang bị cho sinh viên có sự hiểu biết nhất định về những kiến thức và kỹ năng nền tảng của Công tác xã hội, làm tiền

đề cho việc dung nạp những kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội ở những môn học tiếp theo. Nội dung môn học luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp.

21. CTX3372 Quy điều đạo đức và tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp

Tiêu chuẩn đạo đức là một trong những yêu cầu hàng đầu của quá trình chuyên nghiệp hóa nghề công tác xã hội. Các quy điều đạo đức sẽ là sự cụ thể hóa các giá trị, mục tiêu và nguyên tắc của nghề công tác xã hội nói chung và bản sắc của công tác xã hội Việt Nam nói riêng. Do vậy, Đạo đức nghề nghiệp trong Công tác xã hội được xem là một trong những học phần quan trọng và cần thiết trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam vẫn chưa có những quy định chuẩn mực cụ thể về đạo đức đối với những người làm nghề này.

Môn học này cung cấp cho học viên những vấn đề chung về đạo đức nghề nghiệp trong Công tác xã hội. Đồng thời làm rõ vai trò, trách nhiệm của nhân viên CTXH trong mối quan hệ với thân chủ, đồng nghiệp và các tổ chức xã hội. Bằng việc phân tích các trường hợp, tình huống khác nhau, môn học giúp cho học viên định hướng được cách thức làm việc đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội đối với từng đối tượng cụ thể. Ngoài ra, môn học này còn đem đến cho học viên nội dung về các quy điều đạo đức ở một số nước trên thế giới.

22. CTX3173 Hành vi con người và môi trường xã hội

Nội dung của học phần gồm 5 chương được kết cấu 2 phần:

Chương 1: Những vấn đề chung về hành vi con người và môi trường xã hội

Chương 2: Một số lý thuyết nghiên cứu hành vi con người và môi trường xã hội

Chương 3: Các giai đoạn phát triển của con người và sự tác động của môi trường xã hội đến hành vi của con người

Chương 4: Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội

Chương 5: Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với các vấn nạn trong gia đình và ngoài xã hội

23. XHH3123 Phát triển và phát triển cộng đồng

Khóa học này tập trung vào khái niệm phát triển, lý thuyết phát triển và các khía cạnh của thực tiễn phát triển trong thế giới hiện nay. Khóa học cung cấp góc nhìn toàn diện về tư duy phát triển, từ ý tưởng phát triển cổ điển (classical development ideas) cho đến các lý thuyết thay thế (alternative) và hậu phát triển (post-development theories). Các vấn đề này sẽ mở rộng góc nhìn của người học khi tìm hiểu và xem xét các vấn đề xã hội đang tồn tại dưới góc độ phát triển học, nghiên cứu và đánh giá mối tương quan giữa các chủ thể xã hội, giá trị, hành vi, vị thế, etc. và cách các yếu tố này tương tác và cấu thành nên khái niệm về “phát triển” và kết quả của nó. Ngoài ra, dựa trên lý thuyết và tiếp cận về phát triển, người học cũng được những kiến thức cơ bản về Tổ chức và Phát triển cộng đồng

trên Thế giới và Việt Nam. Các cơ sở lý thuyết và kỹ năng thực hành cơ bản của phát triển cộng đồng cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Phát triển cộng đồng nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

24. CTX3023 Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội

Học phần đi sâu vào nghiên cứu sức khỏe tâm thần và sức khỏe tâm lý xã hội của cộng đồng. Giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về sức khỏe tâm thần, một số biểu hiện bệnh lý tâm thần, những khó khăn về tâm lý của người bệnh. Học phần hướng tới mục tiêu tăng thêm vốn hiểu biết về cách hỗ trợ cho những người có vấn đề sức khỏe tâm thần, giúp sinh viên đưa ra những giải pháp dự phòng và nâng cao sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội cho cộng đồng.

25. CTX3053 Sức khỏe cộng đồng

Môn học sức khỏe cộng đồng dành cho đối tượng tham gia công tác xã hội, không chuyên về y tế, được thiết kế thành 3 module giảng, cung cấp kiến thức cơ bản và tạo kỹ năng, thái độ cần thiết cho thực hành các nguyên lý Sức Khỏe Cộng Đồng ở Việt Nam theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới. Mười bài giảng đưa người học đi từ nhận thức tổng quan về sức khỏe cộng đồng, chỉ số đánh giá về sức khỏe thực thể và sức khỏe tâm trí, tiến đến liên hệ thực tế phân tích công tác chăm sóc sức khỏe hiện tại của Việt Nam và nhận biết vai trò của từng nguồn lực trong cộng đồng tham gia vào các hoạt động kiểm soát dịch, giáo dục sức khỏe, chăm sóc người bệnh tại cộng đồng và phòng chống rối nhiễu tâm trí. Trong đó, vai trò người nhân viên công tác xã hội được nêu trong xu thế toàn cầu hóa và tin học hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam.

26. CTX3043 Hành vi lệch chuẩn và các vấn đề lứa tuổi

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, các khái niệm, định nghĩa, nêu được các quan điểm, lý thuyết, phương pháp, các nguyên tắc nghiên cứu hành vi lệch chuẩn của con người. Trên cơ sở đó, sinh viên biết nhận xét, đánh giá các ưu, nhược điểm trong lý thuyết tiếp cận hành vi lệch chuẩn của con người. Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt các cách tiếp cận, các kiến thức đã học khi phân tích - đánh giá hành vi con người, đưa ra những giải pháp, xây dựng chương trình dự phòng và điều chỉnh và củng cố hành vi cho các nhóm đối tượng có hành vi lệch chuẩn.

27. QLN2013 Quản trị học

Từ xưa đến nay, tất cả các tổ chức nói chung, dù hoạt động trong bất cứ lĩnh vực nào: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa ... đều tồn tại các hoạt động quản trị. Chẳng hạn, các tổ chức đều phải xác định xem mình muốn đạt được điều gì trước mắt và tương lai, để đạt được những kết quả mong muốn đó cần phải có những kế hoạch gì và lập kế hoạch ra sao, để thực hiện những kế hoạch này cần phải có bộ máy, con người và xác định trách nhiệm,

quyền hạn của những con người đó... Những hoạt động như vậy ta gọi là hoạt động quản trị.

28. CTX4023 Công tác xã hội với cá nhân

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội cá nhân trên Thế giới và Việt Nam, những yếu tố căn bản của CTXH cá nhân, các công cụ, kỹ thuật trong can thiệp giúp đỡ đối tượng và tiến trình của CTXH cá nhân nhằm thực hiện các chức năng xã hội, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về một số lý thuyết và khái niệm cơ bản trong CTXH cá nhân, những vấn đề đối tượng thường gặp nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng môn học mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở.

29. CTX4033 Công tác xã hội với nhóm

Học phần Công tác xã hội với nhóm giúp cho người học tiếp cận những nội dung cơ bản và nâng cao của phương pháp công tác xã hội nhóm, bao gồm những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội nhóm, vị trí, khái niệm và đặc trưng công tác xã hội nhóm. Học phần cũng cung cấp những nền tảng kiến thức cơ bản làm tiền đề thực hiện công tác xã hội nhóm để giúp sinh viên có cơ sở phân tích, nghiên cứu các hiện tượng trong nhóm công tác xã hội. Tiến trình công tác xã hội nhóm được trình bày cụ thể theo từng bước công việc tạo điều kiện người học phát huy năng lực trong tiếp cận, thực hành và phân tích ứng dụng vào những ca cụ thể. Nội dung môn học luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm đạo đức góp phần giúp người học hình thành đạo đức nghề nghiệp.

30. CTX4053 Công tác xã hội với gia đình

Học phần giới thiệu những đặc điểm trong hôn nhân và gia đình người Việt Nam, làm rõ các chu kỳ sống và giai đoạn khủng hoảng, cũng như những vấn đề thường gặp trong các gia đình người Việt. Học phần giúp người học nắm rõ vai trò của công tác xã hội trong gia đình, giới thiệu một số phương pháp can thiệp đặc thù trong lĩnh vực này. Học phần cũng giúp người học nhận diện và khai thác các nguồn lực từ bên trong gia đình cũng như những nguồn lực từ bên ngoài trong việc giải quyết các vấn đề của gia đình. Cuối học phần, người học sẽ được giới thiệu tham khảo về một số dịch vụ xã hội phổ biến mà các nước khác đang áp dụng trong hỗ trợ gia đình, đồng thời cùng phân tích khả năng vận dụng và học hỏi các mô hình này trong thực tiễn Việt Nam.

Các bài giảng được thực hiện với định hướng chú trọng vận dụng lý luận và thực tế với các ví dụ, bài tập tình huống nhằm giúp sinh viên có thể nắm vững lý thuyết và vận dụng phù hợp vào thực tế.

31. CTX4133 Yếu tố văn hóa – xã hội trong thực hành công tác xã hội

Học phần cung cấp những thông tin/ kiến thức về các yếu tố văn hóa xã hội của các dân tộc nói chung và miền Trung - Tây Nguyên nói riêng trên các thành tố văn hóa sản xuất, văn hóa đảm bảo đời sống, văn hóa chuẩn mực xã hội, văn hóa phi vật thể, thành tố xã hội và được xem như là những điều kiện cần thiết giúp các nhân viên Công tác xã hội làm tốt công tác tham vấn, tư vấn.

32. CTX4043 Công tác xã hội với cộng đồng

Nội dung của học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Các khái niệm cơ bản

Chương 2: Tiến trình tham gia công tác xã hội với cộng đồng

Chương 3: Dự án Công tác xã hội với cộng đồng

Chương 4: Tác viên công tác xã hội với cộng đồng

Chương 5: Phương pháp tham gia công tác xã hội với cộng đồng

33. CTX4153 Đồng kiến tạo dịch vụ xã hội

Học phần được thiết kế để dạy sinh viên cách phát triển dịch vụ trong các nhóm đa chuyên môn cùng với những người sử dụng dịch vụ trên tinh thần đồng sáng tạo và tôn trọng nhân phẩm của các bên liên quan và đối tượng dịch vụ hướng đến. Môn học hướng tới giúp sinh viên hiểu về các dịch vụ phúc lợi liên quan đến nhiều bên liên quan ở các cơ sở khác nhau trong quá trình dịch vụ. Tôn trọng quan điểm, chuyên môn, cách tiếp cận và nhu cầu riêng và khác biệt của các bên liên quan này. Người học cần hiểu về khái niệm đồng sáng tạo / sản xuất là phương pháp và phương pháp lấy khách hàng / người dùng làm trung tâm, bao gồm các bên liên quan khác nhau bao gồm nhà cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ, tổ chức giáo dục và các tác nhân khác trong quá trình phát triển dịch vụ. Đồng thời, học phần cung cấp các phương pháp, cách tiếp cận, công cụ cần thiết để thực hành đồng sáng tạo dịch vụ xã hội.

34. CTX3163 Anh văn chuyên ngành

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành bao gồm 06 bài, tập trung vào các nội dung như khái quát chung về Công tác xã hội (CTXH); thực hành và phương pháp thực hành trong CTXH, các cấp độ thực hành trong CTXH; các giá trị và nguyên tắc đạo đức trong thực hành CTXH; vai trò của nhân viên CTXH.

Các bài giảng được thiết kế theo hướng cung cấp thông tin liên quan cho sinh viên. Bên cạnh đó, tăng cường các nội dung bài tập để sinh viên có thể thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phân tích các thông tin.

35. CTX4093 Quản trị và thực hành chính sách xã hội

Học phần Quản trị và thực hành chính sách xã hội trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và chính sách xã hội, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa quản trị và

chính sách, các phương pháp thực hành chính sách, các lĩnh vực quản trị trong công tác xã hội nhằm góp phần hỗ trợ các nhóm xã hội/cộng đồng yếu thế, kém phát triển. Học phần này bao gồm 3 chương:

Chương 1: Giới thiệu về quản trị và chính sách xã hội

Chương 2: Một số nội dung quản trị an sinh xã hội

Chương 3: Thực hành chính sách trong công tác xã hội

Chương 4: Một số lĩnh vực thực hành chính sách trong công tác xã hội

Các bài giảng được thực hiện với định hướng chú trọng vận dụng lý luận và thực tế với các ví dụ, bài tập tình huống và thực địa nhằm giúp sinh viên có thể nắm vững lý thuyết và vận dụng phù hợp vào thực tế.

36. XHH4073 Xã hội học lao động và việc làm

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, lý thuyết, các cách tiếp cận cũng như bản chất và những tri thức về các vấn đề xã hội liên quan đến lao động và việc làm như: Phân công lao động ; quản lý, tổ chức lao động ; việc làm, thất nghiệp và phẩm chất lao động, toàn cầu hóa và vấn đề di chuyển lao động cũng như xã hội học và vấn đề khởi nghiệp. Với những kiến thức được trang bị, bằng cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học và các kỹ năng hỗ trợ, sinh viên có thể phát hiện, phân tích, nghiên cứu một vấn đề xã hội thuộc lĩnh vực lao động, việc làm và xây dựng một dự án khởi nghiệp.

37. CTX4103 Tham vấn và trị liệu tâm lý

Học phần "Tham vấn và Trị liệu tâm lý" giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về khoa học ứng dụng tâm lý trong thực hành chăm sóc sức khỏe tâm lý con người. Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và lý thuyết tổng quan của hoạt động tham vấn và trị liệu tâm lý, các kiến thức cơ bản về các quan điểm, lịch sử hình thành và phát triển của tham vấn và trị liệu tâm lý trong - ngoài nước. Giúp sinh viên nắm được các kiến thức về xác định mục đích, nguyên tắc, kỹ năng, kỹ thuật, quy trình và các phương pháp tiến hành tham vấn-trị liệu tâm lý, vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn trong tham vấn và trị liệu tâm lý thông qua tình huống giả định, từ đó giúp sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động thực tiễn làm việc trong tương lai.

38. CTX4343 Xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội

Học phần Xây dựng và quản lý dự án trong Công tác xã hội bao gồm 4 chương tập trung vào trình bày các khái niệm, lý thuyết liên quan tới dự án và quản lý dự án; quan điểm, chiến lược và chương trình quốc tế và quốc gia về hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế, kém phát triển; các vấn đề và nhu cầu của các nhóm xã hội cần hỗ trợ; tầm quan trọng và cách thức xây dựng một dự án hỗ trợ các nhóm/cộng đồng kém phát triển cũng như nội dung và kỹ năng quản lý một dự án trong Công tác xã hội. Cụ thể:

Chương 1 trình bày khái quát về Dự án bao gồm khái niệm về Dự án và Dự án trong Công tác xã hội; các loại dự án; đặc điểm của Dự án trong Công tác xã hội; các loại dự án

đặc thù trong Công tác xã hội. Chương này cũng trình bày các chiến lược và chương trình của Nhà nước và quốc tế về hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế, kém phát triển.

Chương 2 tập trung vào các nội dung chính và tiến trình xây dựng một dự án trong Công tác xã hội. Trong chương này, các phương pháp tiếp cận, phương pháp và kỹ năng thực tiễn nhằm thu thập thông tin, đánh giá và phân tích vấn đề; thiết kế dự án sẽ được trình bày cụ thể.

Chương 3 trình bày nội dung về quản lý dự án trong Công tác xã hội, bao gồm chức năng của quản lý dự án; các nội dung chính của quản lý dự án; các kiến thức và kỹ năng cần có để quản lý một dự án. Trong chương này, các kỹ năng quản lý sẽ được trình bày một cách cụ thể.

Chương 4 trình bày các nội dung và mô hình đánh giá dự án trong lĩnh vực công tác xã hội, các giai đoạn đánh giá một dự án cụ thể.

Các bài giảng được thực hiện với định hướng chú trọng vận dụng lý luận và thực tế với các ví dụ, bài tập tình huống và thực địa nhằm giúp sinh viên có thể nắm vững lý thuyết và vận dụng phù hợp vào thực tế.

39. CTX4113 Thiên tai và các nhóm dân tộc thiểu số

Học phần Thiên tai và các nhóm dân tộc thiểu số cung cấp kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận và nhân mạnh vị trí, vai trò quan trọng của công tác xã hội đối với các đối tượng nạn nhân của thiên tai và nhóm dân tộc thiểu số; trang bị cho người học những phương pháp và kỹ năng cần thiết khi thực hành công tác xã hội với các nhóm đối tượng này.

40. CTX4143 Truyền thông và giáo dục cộng đồng

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động truyền thông và giáo dục cộng đồng. Sinh viên có thể sử dụng kiến thức, kỹ năng được học để xây dựng và thực hiện hoạt động giáo dục cộng đồng, truyền thông phù hợp với các đối tượng cụ thể.

Nội dung học phần bao gồm

Bài 1: Khái quát chung về giáo dục cộng đồng

Bài 2: Một số phương pháp tiếp cận và mô hình giáo dục cộng đồng

Bài 3: Định hướng và một số nội dung giáo dục cộng đồng ở Việt Nam

Bài 4: Vai trò và nhiệm vụ của cán bộ giáo dục cộng đồng

Bài 5: Các bước thực hiện chương trình giáo dục cộng đồng

Bài 6: Đánh giá chương trình giáo dục cộng đồng

Bài 7: Giáo dục cộng đồng với các đối tượng đặc thù

Bài 8: Truyền thông và quá trình truyền thông

Bài 9. Kế hoạch truyền thông

Bài 10. Truyền thông trong giáo dục cộng đồng

41. CTX4163 Môi trường và sức khỏe xã hội

Qua học phần Môi trường và sức khỏe xã hội, sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản về môi trường, các yếu tố kinh tế- xã hội tác động đến sức khỏe xã hội của con người. Từ đó, hiểu rõ và vận dụng được các kỹ năng công tác xã hội trong việc cải thiện môi trường nhằm nâng cao sức khỏe xã hội con người.

42. CTX4024 Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội

Chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội có tầm quan trọng đối với nghề công tác xã hội nói chung và ở Việt Nam nói riêng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều rủi ro đối với những nhóm đối tượng yếu thế hiện nay. Học phần "Hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam" gồm 4 chương sẽ giúp trang bị cho sinh viên về các nội dung liên quan tới quan điểm và chính sách trợ giúp cụ thể đối với từng nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần này bao gồm 2 phần: Phần lý thuyết và Phần thực hành.

Phần lý thuyết gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về trợ giúp xã hội và công tác xã hội

Chương 2: Quan điểm của Đảng và Nhà nước về trợ giúp xã hội và công tác xã hội trong bối cảnh hiện nay

Chương 3: Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Chương 4: Chế độ và quy trình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Phần thực hành: Thực hành công tác thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

43. CTX4034 Quản lý trường hợp

Học phần Quản lý trường hợp cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý trường hợp; những nguyên lý chung của quản lý trường hợp, tiến trình quản lý trường hợp, các kỹ năng trong quản lý trường hợp. Thông qua việc hiểu rõ các khái niệm và tiến trình quản lý trường hợp, người học có thể xây dựng một kế hoạch nhằm quản lý trường hợp phù hợp với từng đối tượng thân chủ nhằm giải quyết vấn đề họ gặp phải một cách hiệu quả nhất.

44. CTX4044 Dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng và các cơ sở trợ giúp xã hội

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về các hình thức và mô hình dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng và các cơ sở trợ giúp xã hội, các quy trình, thủ tục và cách thức thực hiện các dịch vụ xã hội trong 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về dịch vụ xã hội tại Việt Nam

Chương 2: Dịch vụ xã hội tại cộng đồng

Chương 3: Dịch vụ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội

Chương 4: Chiến lược phát triển dịch vụ công tác xã hội ở Việt Nam

45. CTX4054 Trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật và người cao tuổi

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về người khuyết tật, người cao tuổi; vấn đề, nhu cầu, khả năng thích ứng của người khuyết tật, người cao tuổi và cách thức hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi trong cộng đồng.

Các kiến thức của học phần mở ra khả năng bổ sung lý thuyết và phong pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Môn học gắn kết giữa ý tưởng với thực tiễn tạo ra cho người học có điều kiện, ý thức và trách nhiệm với người khuyết tật, người cao tuổi, với cộng đồng - quốc gia - dân tộc hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng - dân chủ.

46. CTX4064 Trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Nội dung của học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Các khái niệm liên quan và tổng quan Công tác xã hội với trẻ em

Chương 2: Chính sách, luật pháp và hệ thống tổ chức chăm sóc và bảo vệ trẻ em

Chương 3: Các lý thuyết vận dụng trong công tác xã hội với trẻ em

Chương 4: Nhu cầu và các giai đoạn phát triển tâm sinh lý với trẻ em

Chương 5: Trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

47. CTX4074 Thiết kế, tổ chức chương trình hỗ trợ giáo dục và kỹ năng xã hội

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về chương trình giáo dục, phương pháp thiết kế, tổ chức và đánh giá chương trình hỗ trợ giáo dục và kỹ năng xã hội. Các kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức chương trình hỗ trợ giáo dục và kỹ năng xã hội được tiếp cận với đối tượng học sinh đang học tập trong phạm vi các cơ sở giáo dục chính quy, không chính quy và các cơ sở xã hội đặc thù của ngành Công tác xã hội. Học phần bao gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành.

48. CTX4084 Các phương pháp hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật

Học phần Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật, phân loại các dạng khuyết tật, các phương pháp hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, cách tiến hành giáo dục hòa nhập ở tiểu học, những nguyên tắc cơ bản của việc dạy học hoà nhập và phối hợp các lực lượng hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nói chung. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng dạy học hoà nhập phù hợp với đặc điểm khuyết tật của từng loại trẻ. Bên cạnh kiến thức, học phần còn hướng tới hoạt động thực hành, khuyến khích hỗ trợ sinh viên tham gia vào các tình huống/ trường hợp giả định

nhằm vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết vấn đề, giúp sinh viên nắm được những điểm trọng yếu của học phần này.

49. CTX4094 Các phương pháp giao tiếp thay thế và hỗ trợ

Học phần "Các phương pháp giao tiếp thay thế và hỗ trợ" nhằm cung cấp một số nội dung kiến thức cơ bản về các khái niệm, đặc trưng cơ bản trong giao tiếp thay thế và hỗ trợ. Bên cạnh đó, giới thiệu một số kỹ năng và nguyên tắc trong giao tiếp nhằm tăng cường khả năng tương tác với các cá nhân, nhóm có vấn đề về ngôn ngữ và giao tiếp. Ngoài ra, sinh viên được làm quen và thực hành sử dụng các công cụ, phương tiện giao tiếp thay thế và hỗ trợ trong một số tình huống cụ thể.

50. CTX4104 Phương pháp và kỹ năng hỗ trợ nhóm phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt

Nội dung của học phần gồm 5 chương

Chương 1: Một số khái niệm về phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt

Chương 2: Kỳ thị với những nhóm phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt và hoạt động trợ giúp giảm kỳ thị

Chương 3: Hỗ trợ tâm lý cho nhóm phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt

Chương 4: Các hoạt động hỗ trợ cho nhóm phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt

Chương 5: Các kỹ năng làm việc với nhóm phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt

51. CTX4114 Chăm sóc – hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi

Học phần "Chăm sóc - hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi" được thiết kế với 4 nội dung chính bao gồm một số vấn đề chung về người khuyết tật (NKT) và người cao tuổi (NCT); Một số mô hình chăm sóc và hỗ trợ cho người khuyết tật và người cao tuổi tại Việt Nam hiện nay; Các hoạt động chăm sóc và hỗ trợ cho NKT và NCT; Các kỹ năng làm việc với NKT và NCT.

Nội dung bài giảng nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho sinh viên về các hoạt động chăm sóc và hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi tại Việt Nam trong thời gian qua. Bên cạnh đó, tăng cường các nội dung thảo luận và bài tập để sinh viên có thể thực hành các kỹ năng chăm sóc và hỗ trợ cho nhóm đối tượng này.

52. CTX4124 Chăm sóc – hỗ trợ người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

Nội dung của học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về ma túy và nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

Chương 2: Truyền thông phòng, chống ma túy và giảm kỳ thị với người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

Chương 3: Hỗ trợ điều trị nghiện cho người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

Chương 4: Các hoạt động hỗ trợ cho nhóm người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

Chương 5: Các kỹ năng làm việc với người nghiện ma túy và lạm dụng chất kích thích

53. CTX4062 Thực hành công tác xã hội 1

Học phần Thực hành Công tác xã hội 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tiếp cận đối tượng, nhóm, gia đình; những vấn đề của cá nhân, nhóm, gia đình. Qua thực hành, giúp người học tiếp cận, nghiên cứu một số vấn đề thực tế, sử dụng những kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội nhằm gợi mở khả năng tư duy, phát huy năng lực giải quyết những vấn đề thực tế của người học trong thực hành nghề nghiệp.

54. CTX4072 Thực hành công tác xã hội 2

Học phần này giúp sinh viên áp dụng các phương pháp và kỹ năng chuyên môn trong thực hành nghề nghiệp qua các phương pháp đóng vai, mô phỏng và thực hành thực tế. Học phần bao gồm 2 phần: phần thảo luận trên lớp và phần thực hành thực tế ngoài trời với cộng đồng, các nhóm xã hội và các tổ chức.

55. CTX4123 Thực tập chuyên môn

Học phần Thực tập chuyên môn trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tiếp cận cá nhân/nhóm/ cộng đồng có vấn đề khó khăn cần trợ giúp của nhân viên xã hội. Qua thực tập, giúp người học tiếp cận, nghiên cứu một số vấn đề thực tế, sử dụng những kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội nhằm gợi mở khả năng tư duy, phát huy năng lực giải quyết những vấn đề thực tế của người học trong thực hành nghề nghiệp.

56. CTX4014 Thực tập tốt nghiệp

Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội để có thể trở thành nhân viên công tác xã hội trong tương lai.

57. CTX4019 Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này giúp sinh viên đạt được năng lực nghiên cứu về lĩnh vực công tác xã hội về các lĩnh vực lựa chọn. Sinh viên sẽ lựa chọn chủ đề nghiên cứu phù hợp và thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công trong thời gian theo kế hoạch đào tạo.